

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 251/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 28-5-2019

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Ánh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hồng Hải

2. Bà Lê Thị Yên Nhi

**- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Phạm Thị Phương Thảo, là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Kim Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 578/2018/HNST ngày 03 tháng 12 năm 2018, về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1221/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 1569/2019/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Trần Thị Kim T, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Ấp B, xã X, huyện H, Tp. Hồ Chí Minh (*Yêu cầu xét xử vắng mặt*).

**- Bị đơn:** Ông Lê Quốc T, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Số 219/9 Đường T, phường C, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh (*Vắng mặt*).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn ly hôn ngày 03/10/2018, đơn yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên tòa ngày 12/4/2019, bà Trần Thị Kim T là nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Quốc T chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường C, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 39, quyển số 01/2006 ngày 17/03/2006. Bà và ông T sinh sống tại nhà số 219/9 Đường T, phường C, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh. Đến năm 2012, ông T bỏ nhà và từ đó bỏ đi không có

tin tức gì nên bà đã yêu cầu Toà án tuyên bố ông T mất tích và Tòa án nhân dân Quận 1 đã có Quyết định số 455 ngày 05/9/2018 tuyên bố ông T mất tích. Đến nay bà vẫn không có tin tức gì về ông T. Bà nhận thấy cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục vì ông T biệt tích nhiều năm liền mà không liên lạc với vợ con, bản thân bà không thể liên hệ và tìm kiếm được ông T nên kéo dài tình trạng này làm ảnh hưởng đến cuộc sống của bà, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Lê Bảo N (Nữ), sinh ngày 21/04/2006. Bà yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T khai không có.

*Ông Lê Quốc T là bị đơn đã bị tuyên bố mất tích theo Quyết định số 445/2018/QĐDS-ST ngày 05/9/2018 của Tòa án nhân dân Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh. Quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông T, triệu tập đến lần thứ hai nhưng ông T vẫn vắng mặt tại phiên tòa.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng thủ tục tố tụng; Người tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thì bà T và ông T tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 39, quyền số 01/2006 do Ủy ban nhân dân phường C, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 17/03/2006. Ông T đã biệt tích nhiều năm liền không có tin tức, Tòa án nhân dân Quận 1 đã có Quyết định số 455/2018/QĐDS-ST ngày 05/9/2018 tuyên bố ông Lê Quốc T mất tích. Như vậy, mối quan hệ giữa vợ chồng ông T và bà T đã không còn, mục đích xây dựng hôn nhân gia đình không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà T là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: có 01 con chung tên Lê Bảo N (Nữ), sinh ngày 21/04/2006. Bà T yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Thực tế nhiều năm nay bà T đã trực tiếp nuôi dưỡng con nên việc giao trẻ Lê Bảo N cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về tài sản chung và nợ: Bà T khai không có.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn. Xét đây là tranh chấp về ly hôn, bị đơn cư trú tại 219/9 Đường T, phường C, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn đã bị tuyên bố mất tích theo Quyết định số 455/2018/QĐDS-ST ngày 05/9/2018 của Tòa án nhân dân Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh. Quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã thực hiện tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án thông báo cho bị đơn biết về việc thụ lý và giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt, Tòa án không nhận được bất kỳ thông tin gì về bị đơn. Nguyên đơn cũng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn chung sống vợ chồng được Ủy ban nhân dân phường C, Quận M cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 39, quyển số 01/2006 ngày 17/03/2006 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nay nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn vì bị đơn đã bỏ nhà đi nhiều năm, vợ chồng không còn liên hệ gì với nhau nên bản thân nguyên đơn không còn tình cảm. Xét, bị đơn đã biệt tích nhiều năm không có tin tức, Tòa án nhân dân Quận 1 đã ban hành Quyết định số 455/2018/QĐDS-ST ngày 05/9/2018 tuyên bố bị đơn mất tích. Từ đó đến nay bị đơn cũng không có tin tức gì liên hệ lại với gia đình, vợ con nên có thể nhận thấy việc duy trì quan hệ hôn nhân sẽ không đảm bảo hạnh phúc cho cả nhân nguyên đơn. Bản thân bị đơn đã không còn quan tâm và cùng nguyên đơn xây dựng gia đình no ấm, hạnh phúc, bền vững trong một thời gian dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Theo Giấy khai sinh số 199/QH, quyển số 01/2006 do UBND phường C, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 23/6/2006, xác định trẻ Lê Bảo N (Nữ), sinh ngày 21/04/2006 là con chung của nguyên đơn và bị đơn. Nguyên đơn yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con. Xét, trẻ Lê Bảo N (Nữ), sinh ngày 21/04/2006 từ khi sinh ra đến nay do mẹ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bản thân trẻ cũng cho biết ba mẹ không còn sống chung với nhau từ lâu nên có nguyện vọng được sống với mẹ nếu ba mẹ ly hôn (Bản khai ngày 28/01/2019). Do đó, nghĩ nên giao trẻ Lê Bảo N cho nguyên đơn tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn khai không có, không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Xét đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nêu trên phù hợp với những đánh giá, nhận định của Hội đồng xét xử. Do vậy, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn, nuôi con của nguyên đơn.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 2 Điều 227 và các Điều 203, 264, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Luật Thi hành án dân sự năm 2008.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Bà Trần Thị Kim T được ly hôn với ông Lê Quốc T.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Kim T và ông Lê Quốc T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 39, quyển số 01/2006 đăng ký ngày 17/03/2006 tại Ủy ban nhân dân Quận phường C, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Giao trẻ Lê Bảo N (Nữ), sinh ngày 21/04/2006 cho bà Trần Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp ông T trở về thì có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu ông T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì sẽ bị người trực tiếp nuôi con yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con.

Khi cần thiết, một trong hai bên đều có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà Trần Thị Kim T phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai

thu tiền số 0023762 ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M. Bà T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

**4. Về quyền kháng cáo:**

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND Quận 1;
- Chi cục THADS Quận 1;
- TANDTP.HCM;
- VKSND TPHCM;
- UBND phường C, Quận M, TPHCM;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Ánh**